

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HUNG LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 615 /UBND

Hung Long, ngày 10 tháng 9 năm 2025

Về thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn xã Hưng Long

Kính gửi:

- Phòng Văn hóa - Xã hội;
- Phòng Kinh tế;
- Hiệu trưởng các Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập trên địa bàn xã.

Thực hiện Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2025 - 2026;

Thực hiện Công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề xuất của Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn xã;

Ủy ban nhân dân xã Hưng Long có ý kiến như sau:

I. Về học phí

- Thực hiện Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân có hiệu lực từ ngày 26 tháng 6 năm 2025 áp dụng từ năm học 2025 - 2026.

- Trong thời gian chờ văn bản hướng dẫn Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân xã đề nghị các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập **tạm thời không triển khai thu học phí** cho đến khi Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định về mức thu học phí và hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục công lập năm học 2025 - 2026.

II. Về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND và các khoản thu dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Các khoản thu phải đảm bảo thực hiện đúng theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và hướng dẫn tại Công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các mức thu quy định tại Công văn hướng dẫn này là mức thu tối đa. Căn cứ tình hình thực tế của cơ sở giáo dục, **đảm bảo có tính kế thừa** đã tổ chức thực hiện từ năm học 2024-2025 và nhu cầu của học sinh, cơ sở giáo dục tổ chức xây dựng dự toán thu – chi để tính toán mức thu cụ thể, bảo đảm bù đắp chi phí, thực hiện khảo sát, lấy ý kiến thống nhất với cha mẹ học sinh mức thu cụ thể nhưng không vượt quá mức thu quy định tại Công văn hướng dẫn này và **tỷ lệ tăng mức thu năm học 2025-2026 không quá 15% so với mức thu đã thực hiện trong năm học 2024-2025**; thực hiện công khai kế hoạch thu - chi của từng khoản thu đến phụ huynh học sinh trước khi thực hiện. Cụ thể:

+ Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND thực hiện theo **Phụ lục 1 (đính kèm)**

+ Các khoản thu dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thực hiện theo **Phụ lục 2 (đính kèm)**

+ Đối với các khoản huy động tài trợ và kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện theo hướng dẫn Công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Về chế độ miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và các chế độ, chính sách khác

1. Từ năm học 2025 - 2026 thực hiện chính sách miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội.

2. Tiếp tục thực hiện chế độ hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học bổng và các chế độ chính sách khác của Chính phủ và các bộ ngành cho đến khi có văn bản điều chỉnh, sửa đổi theo quy định.

3. Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, các chính sách đối với trẻ em, học sinh, người học chương trình giáo dục phổ thông đã được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính trước khi sáp nhập cho đến khi có văn bản điều chỉnh, sửa đổi theo quy

định tại khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung ngày 26 tháng 6 năm 2025).

IV. Tổ chức thực hiện

1. Giao Hiệu trưởng các Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập trên địa bàn xã

- Nghiêm túc thực hiện các nội dung theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và hướng dẫn tại Công văn số 1888/SGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trên cơ sở danh mục các khoản thu được quy định: các cơ sở giáo dục công lập căn cứ vào tình hình thực tế, điều kiện cơ sở vật chất và nhu cầu của học sinh để xây dựng Dự toán thu - chi cho từng nội dung thu, làm cơ sở cho việc tính toán mức thu cụ thể đảm bảo nguyên tắc thu đủ chi đủ, phù hợp với tình hình thực tế năm học và các quy định hiện hành.

- Các cơ sở giáo dục công lập không được thay đổi tên và phát sinh bất kỳ nội dung thu nào ngoài các danh mục được quy định tại Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND và Công văn số 1888/SGDĐT-KHTC của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về Dự toán thu - chi đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu dịch vụ khác (không bao gồm học phí): phải xây dựng Dự toán trước khi thông báo công khai mức thu cho cha mẹ học sinh, các khoản thu này phải được thống nhất với cha mẹ học sinh trước khi triển khai thực hiện.

- Đơn vị phát hành biên lai thu tiền, hóa đơn cho học sinh khi thu tiền và lưu ý giãn thời gian thực hiện các khoản thu, không tổ chức thu gộp nhiều khoản trong cùng một thời điểm.

- Thực hiện thu học phí, các khoản thu khác ngoài học phí theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt theo Công văn này.

- Danh mục các khoản thu phải quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định, mở sổ sách kế toán, sử dụng, quản lý chứng từ, tổ chức hạch toán, theo dõi riêng đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác doanh thu và phân bổ đầy đủ, chính xác chi phí đối với từng hoạt động; phải đăng ký, kê khai, nộp đủ thuế và các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo tài chính đúng, kịp thời với các cơ quan quản lý theo phân cấp.

- Việc thực hiện lựa chọn đơn vị cung cấp theo đúng quy định Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Có trách nhiệm giải trình với xã hội các khoản thu của đơn vị.

2. Giao Phòng Văn hóa - Xã hội

- Xem xét các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác ngoài học phí theo quy định (không cao bằng mức thu) của các đơn vị trước khi thực hiện; kiểm soát không được phát sinh bất kỳ khoản thu nằm ngoài quy định.

- Hướng dẫn các trường tổ chức lấy ý kiến thống nhất của cha mẹ học sinh để tổ chức thực hiện.

- Tổng hợp khó khăn, vướng mắc của các cơ sở giáo dục (nếu có) về việc thu, sử dụng học phí, các khoản thu khác và tham mưu Ủy ban nhân dân xã xem xét, giải quyết theo quy định.

- Tham mưu thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tình hình thu chi đầu năm học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã, kịp thời tham mưu đề xuất chấn chỉnh tình trạng thu các khoản thu không đúng quy định.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân xã thực hiện đúng quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong việc giải quyết chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, học bổng chính sách cho người học trong các cơ sở giáo dục được quy định tại Điều 35, Điều 36 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn có liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân xã quyết định chi trả (hoặc ủy quyền cho các cơ sở giáo dục chi trả), quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí và các chính sách khác theo quy định của pháp luật (điểm đ khoản 3 Điều 6 Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 7 năm 2025).

3. Giao Phòng Kinh tế

- Chủ trì phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội hướng dẫn, kiểm tra việc thu, sử dụng, quyết toán học phí và các khoản thu khác đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn xã hàng năm theo qui định.

- Cử công chức tham gia đoàn kiểm tra tình hình thu - chi đầu năm tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc xã.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân xã về thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025 - 2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn xã Hưng Long, đề nghị các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở GDĐT;
- TT/ĐU (để báo cáo);
- TT/HĐND, TT/UBND xã (để báo cáo)
- ĐUUBND xã (để báo cáo)
- UBMTQVN và các tổ chức CT-XH 'để biết';
- CVP, PCVP;
- Trường 45 ấp;
- Lưu: VT, VHXH (L).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Thị Phương Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HUNG LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1

Các khoản thu, mức thu đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn xã Hưng Long
Năm học 2025-2026 theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố
(Ban hành kèm theo Công văn số 613 /UBND ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Hưng Long)

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mầm non		Tiểu học		THCS		Ghi chú
			Mức thu tối đa	Mức thu theo NQ18	Mức thu tối đa	Mức thu theo NQ18	Mức thu tối đa	Mức thu theo NQ18	
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	đồng/học sinh/tháng	Nhà trẻ: 500.000 Mẫu giáo: 430.000	500,000	175,000	320,000	120,000	280,000	
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	đồng/học sinh/tháng	145,000	200,000	/	50,000	/	/	
3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ rước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	đồng/học sinh/giờ	/	11,000	/	/	/	/	
4	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trong các ngày nghỉ, không bao gồm các ngày lễ tết, không bao gồm tiền ăn)	đồng/học sinh/ngày	50,000	120,000	/	/	/	/	
5	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	đồng/học sinh/năm	28,000	65,000	28,000	55,000	28,000	45,000	
6	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có)								
6.1	Đối với lớp đã trang bị sẵn máy lạnh	đồng/học sinh/tháng	/	50,000	45,000	45,000	30,000	35,000	
6.2	Đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê	đồng/học sinh/tháng	/	100,000	/	100,000	/	90,000	
7	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	đồng/học sinh/tháng	/	110,000	27,000	110,000	20,000	110,000	
7.1	Điều hành thông tin giữa gia đình và nhà trường (Số liên lạc điện tử)	đồng/học sinh/tháng	/	/	15,000	/	15,000	/	
7.2	Phần mềm quản lý thẻ	đồng/học sinh/tháng	/	/	/	/	/	/	
7.3	Phần mềm học trực tuyến	đồng/học sinh/tháng	/	/	12,000	/	5,000	/	

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mầm non		Tiểu học		THCS		Ghi chú
			Mức thu tối đa	Mức thu theo NQ18	Mức thu tối đa	Mức thu theo NQ18	Mức thu tối đa	Mức thu theo NQ18	
8	Dịch vụ đưa rước trẻ, học sinh bằng xe ô tô								
8.1	Tuyến đường dưới 5km	đồng/học sinh/km	/	10,000	/	10,000	/	10,000	
8.2	Tuyến đường từ 5km trở lên	đồng/học sinh/km	/	8,000	/	8,000	/	8,000	

Ghi chú:

1. Tất cả các khoản thu tại Phụ lục này phải xây dựng Dự toán thu - chi theo quy định tại khoản 2 Điều 3 "Cơ chế quản lý thu chi" của Nghị quyết 18/2025/NQ-HĐND

2. Giải thích từ ngữ:

Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: gồm số liên lạc điện tử, phần mềm quản lý thẻ, phần mềm học trực tuyến...



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HUNG LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

Các khoản thu dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, cơ chế quản lý tổ chức các hoạt động giáo dục khác của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn xã Hưng Long năm học 2025-2026 theo Công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Công văn số 613 /UBND ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Hưng Long)

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mầm non	Tiểu học	Trung học	Ghi chú
			Mức thu đề nghị (Mức tối đa)	Mức thu đề nghị (Mức tối đa)	Mức thu đề nghị (Mức tối đa)	
I	Các khoản thu tổ chức chương trình nhà trường					
1	Tổ chức dạy tin học					
1.1	Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	đồng/học sinh/tháng	/	30,000	/	- Tiểu học: lớp 1,2
1.2	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030" (IC3)	đồng/học sinh/tháng	/	150,000	175,000	
2	Tổ chức dạy ngoại ngữ					
2.1	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	đồng/học sinh/tháng	/	30,000	40,000	
2.2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (2 tiết tuần)	đồng/học sinh/tháng	/	230,000	200,000	
2.3	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	đồng/học sinh/tháng	79,000	/	/	
2.4	Tiền tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	đồng/học sinh/tháng	/	500,000	800,000	
2.5	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"	đồng/học sinh/tháng	/	/	/	
2.6	Tiền tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra các chứng chỉ quốc tế		/	/	/	
3	Tiền tổ chức các hoạt động giáo dục khêu sái làm quen Tiếng Anh cho trẻ Mẫu giáo					
4	Tiền tổ chức hoạt động công dân số					
4.1	Tiền tổ chức hoạt động giáo dục công dân số	đồng/học sinh/tháng	/	90,000		

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mầm non	Tiểu học	Trung học	Ghi chú
			Mức thu đề nghị (Mức tối đa)	Mức thu đề nghị (Mức tối đa)	Mức thu đề nghị (Mức tối đa)	
4.2	Tiền tổ chức hoạt động Giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ứng dụng các giải pháp lớp học số với trí tuệ nhân tạo (AI)	đồng/học sinh/tháng	/	/	/	
5	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi					
5.1	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ	đồng/học sinh/tháng/môn	80,000	/	/	
5.2	Tiền tổ chức học bơi	đồng/học sinh/tháng	/	193,000	180,000	
6	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	đồng/học sinh/tháng	79,000	80,000	80,000	
7	Tiền tổ chức Giáo dục STEM					
7.1	Tiền tổ chức Giáo dục STEM	đồng/học sinh/tháng	79,000	90,000	90,000	
7.2	Tiền tổ chức Giáo dục STEM song ngữ (Anh - Việt)	đồng/học sinh/tháng	/	/	/	
8	Tiền tổ chức nội dung chất lượng cao, tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế					
9	Tiền thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư	đồng/học sinh/tháng	/	/	/	
10	Dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng (phần kinh phí xã hội hóa theo Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/03/2021 của HĐND Thành phố)					
10.1	Nhà trẻ	đồng/học sinh/tháng	115,000			
10.2	Mẫu giáo	đồng/học sinh/tháng	115,000			
II	Các khoản thu tổ chức dịch vụ khác cho cá nhân học sinh					
11	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú					
11	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/học sinh/năm	260,000	230,000	170,000	
12	Tiền mua sắm đồng phục học sinh					
12	Tiền mua sắm đồng phục học sinh	đồng/học sinh/bộ	95,000	/	/	
13	Tiền học phẩm – học cụ - học liệu					
13.1	Học phẩm	đồng/học sinh/năm	50,000	15,000	50,000	
13.2	Học cụ - Học liệu	đồng/học sinh/năm	Nhà trẻ: 160.000 Mẫu giáo: 200.000	/	/	
14	Suất ăn - nước uống					
14.1	Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng/học sinh/ngày	Nhà trẻ: 32.000 Mẫu giáo: 36.000	34,000	30,000	

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mầm non	Tiểu học	Trung học	Ghi chú
			Mức thu đề nghị (Mức tối đa)	Mức thu đề nghị (Mức tối đa)	Mức thu đề nghị (Mức tối đa)	
14.2	Tiền suất ăn sáng	đồng/học sinh/ngày	12,000	/	/	
14.3	Tiền nước uống	đồng/học sinh/tháng	20,000	20,000	10,000	Lựa chọn nhà cung cấp nước uống có uy tín, đảm bảo an toàn và có giấy chứng nhận xét nghiệm nước

Ghi chú:

1. Tất cả các khoản thu tại Phụ lục này phải xây dựng Dự toán thu - chi.
2. Giải thích từ ngữ:
 - Tiền học phẩm gồm: ấn chỉ, hồ sơ học sinh, ấn chỉ đề kiểm tra, học phẩm ...
 - Thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú: gồm nệm, chăn, gối, khăn mặt, bát, đĩa, khay, dĩa, muỗng, ly, cốc ... phục vụ học sinh bán trú.